| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày: 10/7/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

*Các hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Tấn Thức**

Ông **Trần Đức Hiếu**

*Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Nguyên Khang –Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên toà:* Bà Ngô Thùy Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Thanh X,** sinh ngày: 22/8/1990. Nơi thường trú: Tổ E, phường H, quận C, TP .; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đắc T và con bà Lê Thị T . Có chồng là Nguyễn Văn L và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng:***

- Bị hại:

+ Trần Thị Thanh P, sinh năm 1970 và ông Lương Văn B, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Phạm Văn T1, sinh năm 1994. Địa chỉ: B B, phường H, quận N, TP .. Có mặt.

+ Võ Văn T2, sinh năm 1998; Địa chỉ: A N, phường H, quận C, TP .. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Trần Anh S, sinh năm 1996; Địa chỉ: E N, phường H, quận C, TP .. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Cao Thị Quỳnh D, sinh năm 1988. Địa chỉ: I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Ninh Văn Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: E N, phường H, quận N, TP .. Có mặt.

+ Ông Lê Hoàng T3, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1978. Địa chỉ: F B, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh X và chồng là anh Nguyễn Văn L (sinh năm: 1984; trú tại: Tổ E, phường H, quận C) trước đây có nhà và đất thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 108 khu dân cư N, địa chỉ số B Lỗ G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ngày 05/4/2023, tại văn phòng công chứng Phạm Văn V, vợ chồng X đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà trên cho vợ chồng ông Lê Hoàng T3 (sinh năm: 1974; trú tại: Tổ E, phường H, quận T, Đà Nẵng). Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng, do X có nhu cầu nên vợ chồng ông T3 cho X thuê lại nhà đất này để ở.

Đến tháng 7/2023, do nợ nần, túng thiếu tiền bạc nên X nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua việc nói dối mình vẫn là chủ tài sản và rao bán nhà đất này. Để các bị hại tin tưởng, X cung cấp cho họ bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng X và nói dối rằng tài sản đang cầm cố tại ngân hàng, hẹn đến ngày công chứng chuyển nhượng sẽ rút giấy tờ nhà, đất về để hoàn tất thủ tục, rồi yêu cầu các bị hại đặt cọc tiền cho X, sau khi nhận tiền đặt cọc thì X sử dụng tiêu xài hết cho cá nhân. Với thủ đoạn như trên, từ tháng 07/2023 đến 09/2023, Nguyễn Thị Thanh X đã chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể:

**** Vụ thứ nhất*:** Vào ngày 13/7/2023, thông qua người môi giới là anh Ninh Văn Q (sinh năm: 1997; trú tại: E N, H, N, Đà Nẵng), vợ chồng ông Lương Văn B (sinh năm: 1967) và bà Trần Thị Thanh P (sinh năm: 1970; cùng trú tại: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) đến nhà số B Lỗ G gặp X để trao đổi mua bán nhà đất này, thỏa thuận giá mua bán là 2,73 tỷ đồng, đặt cọc 50.000.000 đồng, hẹn ngày 28/7/2023 ra công chứng chuyển nhượng. Để vợ chồng ông B thêm tin tưởng, X nói chồng X là anh Nguyễn Văn L ký tên vào giấy đặt cọc. Do X nói dối là ông T3 nhờ X nhận cọc thay nên anh L không nghi ngờ và cùng X ký vào giấy nhận cọc với ông B. Tại đây, bà P đã chuyển khoản cho X số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng.

Đến ngày 24/7/2023, X yêu cầu vợ chồng ông B đặt cọc thêm 50.000.000 đồng. Tin tưởng X nên vợ chồng ông B đã chuyển tiếp cho X số tiền 50.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của vợ chồng ông B là 100.000.000 đồng, X đã sử dụng hết cho tiêu xài cá nhân và trả nợ.

**** Vụ thứ hai:*** Ngày 21/7/2023, thông qua người môi giới là chị Cao Thị Quỳnh D (sinh năm: 1988; trú tại: I N, Hòa Cường B, H, Đà Nẵng), anh Võ Văn T2 (sinh năm: 1998; trú tại: phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) đến nhà số B Lỗ G gặp X để trao đổi, thỏa thuận giá mua bán nhà là 2,75 tỷ đồng, đặt cọc trước 50.000.000 đồng, hẹn ngày 28/7/2023 ra công chứng chuyển nhượng. Tại đây, anh T2 đã đưa cho X 50.000.000 đồng tiền mặt.

Tiếp đó, trong các ngày 22/7/2023 và 25/7/2023, theo yêu cầu của X, anh T2 đã tiếp tục chuyển khoản thêm cho X lần lượt số tiền 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng để đặt cọc. Tổng số tiền chiếm đoạt của anh T2 là 100.000.000 đồng, X đã sử dụng hết cho tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Sau nhiều lần bị X trì hoãn thời hạn công chứng chuyển quyền sử dụng đất, chị D và anh T2 tìm hiểu thì phát hiện nhà đất số 02 Lỗ G đã được X bán cho người khác, biết đã bị lừa nên anh T2 yêu cầu X trả lại tiền. Đến tháng 9/2023, lo sợ anh T2 tố cáo hành vi của mình đến cơ quan công an nên X đã trả lại số tiền 100 triệu đồng cho anh T2.

**** Vụ thứ ba*:** Vào ngày 19/9/2023, thông qua người môi giới là anh Trần Anh S (sinh năm: 1996; trú tại: E N, H, C, Đà Nẵng), anh Phạm Văn T1 (sinh năm: 1994; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) đến nhà số B Lỗ G gặp X để trao đổi mua bán nhà đất, thỏa thuận giá mua bán là 2,63 tỷ đồng, tiền đặt cọc 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 17/11/2023 sẽ ra công chứng chuyển nhượng. Tại nhà số B Lỗ G, anh T1 đã chuyển khoản cho X số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, X sử dụng để tar lại cho anh Võ Văn T2 70.000.000 đồng, trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 17/11/2023, sau khi biết anh T1 có đơn tố cáo đến cơ quan công an, X đã trả lại cho T1 số tiền 30.00.000 đồng.

**** Tang vật, tài liệu tạm giữ:*** 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, màu vàng đồng, số IMEI 1: 357265091084085, số IMEI 2: 357265090983998 , gắn sim số 0344401901 của Nguyễn Thị Thanh X.

**** Về xử lý vật chứng và phần dân sự:***

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, màu vàng đồng, số IMEI 1: 357265091084085, số IMEI 2: 357265090983998, gắn sim số 0344401901, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ tiếp tục tạm giữ phục vụ xét xử.

Về phần dân sự: Trước khi khởi tố vụ án, Nguyễn Thị Thanh X đã trả lại cho anh Võ Văn T2 số tiền 100.000.000 đồng, trả lại cho anh Phạm Văn T1 số tiền 30.000.000 đồng. Anh T1 yêu cầu X còn phải hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng; ông Lương Văn B và bà Trần Thị Thanh P yêu cầu X phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, X chưa bồi thường khắc phục hậu quả cho anh T1 và ông B, bà P.

* **Với nội dung trên tại Bản cáo trạng** số: 57/CT-VKSCL ngày 12 tháng 6năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truytố bị cáo Nguyễn Thị Thanh X về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng số: 57/CT-VKSCL ngày 12 tháng 6 năm 2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 7 năm tù đến 8 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh X phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho anh Phạm Văn T1 số tiền là 70.000.000 đồng, bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh P1, ông Lương Văn B số tiền 100.000.000 đồng.

- Về vật chứng: đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu vàng đồng, số IMEI 1: 357265091084085, số IMEI 2: 357265090983998 gắn sim số 0344401901 là điện thoại của Nguyễn Thị Thanh X là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác nên đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thanh X đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, những người bị hại cho rằng bị cáo cố ý gian dối, đưa ra thông tin nhà và đất do vợ chồng bị cáo đứng tên chủ sở hữu để nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người mua nhà đất. Những người bị hại cho rằng họ là những người khó khăn lắm mới tìm được nhà và đất để mua ở nhưng bị bị cáo X lừa chiếm đoạt số tiền đặt cọc lớn, sau khị bị phát hiện, bị cáo không có thiện chí trả lại tiền cho những người bị hại với thái độ thách thức nên những người bị hại không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mà đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Tại phiên tòa bị cáo khai: Việc bị cáo rao bán nhà và đất tại số B đường L, phường H, quận C là do bị cáo túng thiếu, làm ăn thua lỗ nợ nần nhiều nên nghĩ ra cách thu tiền đặt cọc của những người mua nhà nhằm lấy tiền của người sau trả cho người trước nên bị cáo mới nói dối những người mua nhà đất rằng nhà đất là của vợ chồng bị cáo sở hữu. Bị cáo không có ý định lừa đảo những người mua nhà, nhưng vì nợ nhiều quá bị cáo không xoay sở được, những người mua nhà không mua giá cao và thực tế nhà đất đã được ông T3 bà M sang tên đổi chủ nên X không làm thủ tục công chứng với người mua nhà được, dẫn đến việc những người mua nhà phát hiện X không phải là chủ sở hữu của nhà đất rao bán.

Với thủ đoạn tương tự, lừa dối những người mua nhà đất và đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bị cáo X để người mua nhà đất tin tưởng là nhà của X, qua đó X đã thực hiện được việc lừa đảo những người bị hại và 3 lần chiếm đoạt tài sản của những người bị hại, tổng số tiền chiếm đoạt là 300.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Thanh X đã có hành vi cố tình gian dối, dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng X có trước khi bán nhà cho vợ chồng ông T3 bà M để những người bị hại tin tưởng là nhà đất của X, nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người mua nhà đất, tổng cộng chiếm đoạt 300.000.000 đồng. Sau khi bị những người mua nhà đất phát hiện Xuân gian dối, nhà đất là của vợ chồng ông T3 bà M thì X không hoàn trả được số tiền đã nhận đặt cọc của những người mua nhà đất. Từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023 bị cáo đã liên tiếp thực hiện 3 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, hiện tại mới chỉ khắc phục được một phần hậu quả thiệt hại cho những người bị hại.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn trên hai trăm triệu đồng là phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 BLHS như cáo trạng Viện Kiểm Sát nhân dân quận C, Tp Đà Nẵng truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng tội. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt nghiêm để có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai trái, khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả cho những người bị hại và bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần nên HĐXX áp dụng điểm b, s khoản

1 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Võ Văn T2 đã được bị cáo khắc phục số tiền chiếm đoạt 100.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh P1 và ông Lương Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, bị cáo chưa khắc phục nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà P1 và ông B số tiền là 100.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, bị cáo đã khắc phục được 30.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Phạm Văn T1 số tiền là 70.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu vàng đồng, số IMEI 1: 357265091084085, số IMEI 2: 357265090983998 gắn sim số 0344401901 là điện thoại của Nguyễn Thị Thanh X dùng để đăng tin và là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm .

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh X phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh X **07 (bảy) năm tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh X phải bồi thường cho ông Phạm Văn T1 số tiền 70.000.000 đồng; bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh P1 và ông Lương Văn B số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậmtrả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ: Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max màu vàng đồng, số IMEI 1: 357265091084085, số IMEI 2: 357265090983998 gắn sim số 0344401901 (Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2024)

5. Về án phí: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh X phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/7/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND TP Đà Nẵng (Phòng KTNV);
- VKSND TP. Đà Nẵng (Phòng 7);
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CQĐT - Công an quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS – Công an Q. Cẩm Lệ;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bàng**